TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUANG BÌNH** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:67/2019/QĐST-HNGĐ	*Quang Bình, ngày 11 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 60/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/8/2019 về việc khởi kiện ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1981; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1980; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212, khoản 1 Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03/9/2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03/9/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn T và chị Hoàng Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Hoàng Thị H tự nguyện thuận tình ly hôn.

b. Về con: Anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Th, sinh ngày 15/12/2002 và cháu Trần H, sinh ngày 08/02/2005; chị Hoàng Thị H không phải cấp

dưỡng nuôi con;

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

c. Về tài sản, công nợ chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản của anh Trần Văn Thắng và chị Hoàng Thị Hương.

1. Cháu Trần Th sinh ngày 15/12/2002 và cháu Trần H sinh 08/02/2005 được sử dụng 01 chiếc tủ lạnh và 01 nhà sàn được làm bằng gỗ tạp 3 gian (trong đó 2 gian chính, 1 gian trái), có chiều dài 7,2 mét, chiều rộng 6 mét. Sàn nhà 02 gian chính được làm bằng gỗ, 01 gian trái được làm bằng cây vầu. Xung quanh khung nhà được bưng bằng ván gỗ.

Địa chỉ của ngôi nhà tại thôn H, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang

Do các cháu Trần Th, Trần H còn nhỏ, chưa tự quản lý được tài sản riêng của mình nên anh Trần Văn T là bố đẻ của các cháu là người trực tiếp quản lý tài sản của các cháu đến khi cháu Th và cháu H lấy vợ, có gia đình riêng thì anh T giao lại nhà cho các cháu.

2. Anh Trần Văn T sử dụng 01 chiếc xe máy loại WAVES nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, biển kiểm soát 23 E1-056.79, giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Trần Văn T.

Anh T trả giá trị tiền chênh lệch xe máy cho chị H số tiền 6.000.000 đồng. Phương thức trả tiền 01 lần. Thời gian trả tiền vào ngày 31/12/2019.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Các bên đương sự không có yêu cầu.

d. Về án phí: Anh Trần Văn T chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 02337 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang. Anh T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- CCTHADS huyện Q;
- UBND xã B, huyện Q
(nơi đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Phương